

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ – ST

Ngày: 01-7-2024

“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Châu

Ông Huỳnh Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 50/2024/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024; Về việc: *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Cẩm T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 98, ấp H, thị trấn M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Kh, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 816/AT, đường P, khóm X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2024, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Trần Cẩm T trình bày:*

Bà T với ông Nguyễn Đức Kh kết hôn với nhau năm 2008, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ

Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, giấy đăng ký kết hôn số 250 ngày 31 tháng 12 năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Tuy nhiên, đến tháng 01 năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đến tháng 01/2023 thì bà với ông Kh bắt đầu sống ly thân cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng, nay bà không còn tình cảm với ông Kh. Vì vậy, nay bà Trần Cẩm T yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đức Kh theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Bà Trần Cẩm T với ông Nguyễn Đức Kh có 02 con chung, tên Nguyễn Thị Quế Tr, sinh ngày 25/02/2010 và Nguyễn Đức Th, sinh ngày 13/01/2017, hiện do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông Nguyễn Đức Kh cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Đức Kh được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Cẩm T.

* *Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn bà Trần Cẩm T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, còn bị đơn ông Nguyễn Đức Kh đều vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Cẩm T, cho bà T ly hôn với ông Nguyễn Đức Kh theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được. Về con chung giao 02 con chung cho bà Trần Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo nguyện vọng của 02 cháu, không xem xét cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Cẩm T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn ông Nguyễn Đức Kh được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Cẩm T với ông Nguyễn Đức Kh kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Đến tháng 01 năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và đến đầu tháng 01/2023 thì bắt đầu sống ly thân, trong thời gian sống ly thân ông bà không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng, bà T xác định không còn tình cảm với ông Kh, nên nộp đơn yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với ông Kh. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Cẩm T với ông Nguyễn Đức Kh kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 250 ngày 31 tháng 12 năm 2008 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Kh với bà T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Theo bà T trình bày, thì hôn nhân giữa bà với ông Kh không còn hạnh phúc, do vào đầu năm 2022 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhau do bất đồng ý kiến, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được và đến đầu năm 2023 ông Kh bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, ly thân với bà T cho đến nay, trong thời gian ly thân bà T xác định không còn tình cảm với ông Kh, nên nộp đơn xin ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T với ông Kh thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài vì mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, ông bà đã sống ly thân hơn 01 năm và bà T xác định đã không còn tình cảm với ông Kh, cũng như trong thời gian sống ly thân thì ông bà cũng không hòa giải, hàn gắn được tình cảm với nhau. Trong quá trình Tòa án thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đã tiến hành hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ vợ chồng nhưng ông Kh đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Cẩm T đối với ông Nguyễn Đức Kh.

[4] Về con chung: Bà Trần Cẩm T với ông Nguyễn Đức Kh có 02 con chung, tên Nguyễn Thị Quế Tr, sinh ngày 25/02/2010 và Nguyễn Đức Th, sinh ngày 13/01/2017, hiện do bà T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của các cháu, thì các cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ (bà T) nếu cha mẹ ly hôn. Xét thấy, yêu cầu được

quyền nuôi 02 con của bà T là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, bởi vì các cháu đang được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên khi ông bà ly hôn giao các con cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của các cháu, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Kh cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu được quyền nuôi con của bà T. Nên yêu cầu được quyền nuôi 02 con của bà T sau khi ly hôn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Trần Cẩm T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 bà Trần Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Bà Trần Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Đức Kh.

2/ Về con chung: Giao 02 con tên Nguyễn Thị Quế Tr, sinh ngày 25/02/2010 và Nguyễn Đức Th, sinh ngày 13/01/2017 cho bà Trần Cẩm T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con đến đủ tuổi trưởng thành.

Dành cho ông Nguyễn Đức Kh được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Trần Cẩm T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 00001558 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, như vậy bà T đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha